

## PROPOSING A MODEL TO EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF THE CURRENT SOCIALIZATION POLICY IN TEXTBOOK PUBLISHING IN VIETNAM

Nguyen Thanh Tam\*<sup>1</sup>, Le Anh Vinh<sup>2</sup>,  
Nguyen Minh Duc<sup>3</sup>

\* Corresponding author  
Email: tamnt@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: vinhla@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: nguyenminhducvkhgdvn@gmail.com

<sup>1,2,3</sup> The Vietnam National Institute  
of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem,  
Hanoi, Vietnam

Received: 07/8/2024

Revised: 07/9/2024

Accepted: 15/10/2024

Published: 25/11/2024

**Abstract:** Policy evaluation is a critical stage in the policy cycle of any government, providing key evidence for adjustments, improvements, and strategic planning of subsequent policies. Effective policy evaluation supports governments in fulfilling their accountability mandates with evidence of policy impact, while also enhancing public trust - including from stakeholders beyond the immediate scope of the policy - in their governance. This paper proposes a model for evaluating the effectiveness of the policy on the socialization of textbook publishing - a policy introduced for the first time in Vietnam. Using both qualitative methods (expert interviews) and quantitative methods (exploratory factor analysis (EFA)), the study identifies 29 indicators of policy objectives across four groups that signify policy effectiveness: 1) Institutional effectiveness for management, 2) Economic effectiveness, 3) Social effectiveness, and 4) Effectiveness in improving educational quality. These results provide a foundation for more comprehensive studies on assessing the effectiveness of the socialization policy for textbook publishing in the forthcoming period.

**Keywords:** Policy effectiveness, policy effectiveness evaluation, textbook publishing, socialization policy in textbook publishing.

## ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HÓA XUẤT BẢN SÁCH GIÁO KHOA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thanh Tâm\*<sup>1</sup>, Lê Anh Vinh<sup>2</sup>,  
Nguyễn Minh Đức<sup>3</sup>

\* Tác giả liên hệ  
Email: tamnt@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: vinhla@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: nguyenminhducvkhgdvn@gmail.com

<sup>1,2,3</sup> Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 07/8/2024

Chỉnh sửa xong: 07/9/2024

Chấp nhận đăng: 15/10/2024

Xuất bản: 25/11/2024

**Tóm tắt:** Đánh giá chính sách là một bước quan trọng trong chu trình chính sách của mỗi Chính phủ khi mà nó cung cấp những bằng chứng quan trọng cho việc điều chỉnh, cải thiện cũng như hoạch định những chính sách tiếp theo. Việc đánh giá chính sách sẽ góp phần giúp các chính phủ thực hiện tốt trách nhiệm giải trình với những bằng chứng về hiệu quả của các chính sách mà họ ban hành, đồng thời cũng gia tăng sự tin nhiệm của người dân (kể cả những đối tượng nằm ngoài phạm vi của chính sách) đối với Chính phủ của họ. Bài viết trình bày đề xuất về mô hình đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa - một chính sách lần đầu tiên thực hiện tại Việt Nam; Sử dụng các phương pháp định tính (phỏng vấn chuyên gia) và định lượng (phân tích nhân tố khám phá EFA), 29 chỉ báo về mục tiêu thuộc 04 nhóm nhân tố thể hiện hiệu quả của chính sách được xác định bao gồm: 1/ Hiệu quả về thể chế và quản lý; 2/ Hiệu quả về kinh tế; 3/ Hiệu quả về xã hội; 4/ Hiệu quả về nâng cao chất lượng giáo dục. Những kết quả này sẽ là cơ sở để tiến hành những nghiên cứu diện rộng để đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa trong giai đoạn tới.

**Từ khóa:** Hiệu quả chính sách, đánh giá hiệu quả chính sách, xuất bản sách giáo khoa, chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa.

## 1. Đặt vấn đề

Chính sách sách giáo khoa là một trong những thành phần cơ bản và quan trọng của chính sách giáo dục ở mỗi quốc gia. Sách giáo khoa là một trong những yếu tố then chốt của mọi kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục, bao gồm việc định hình tư duy và hệ giá trị của học sinh, từ đó ảnh hưởng đến thế giới quan, sự gắn kết của xã hội và sự phát triển của mỗi đất nước. Nó không phải là nguồn thông tin duy nhất nhưng là điểm khởi đầu, cốt lõi để bước vào các lĩnh vực kiến thức [1]. Bằng chứng nghiên cứu cho thấy, những quốc gia có hệ thống giáo dục thành công, chẳng hạn Finland, Singapore là những quốc gia có chính sách sách giáo khoa hiệu quả [2] và những quốc gia có kết quả tốt trong lĩnh vực giáo dục cũng là những hệ thống có sự thay đổi đáng kể trong quy trình xuất bản và cung cấp sách giáo khoa trong khoảng 10 năm gần đây [1].

Việt Nam đang trong quá trình đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục với hàng loạt những chính sách về giáo dục thể hiện rõ nét tư tưởng đổi mới căn bản và toàn diện và một trong số đó là chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa. Cho đến trước khi Nghị quyết 88/2014/QH13 được ban hành, chính sách về sách giáo khoa ở Việt Nam có nội dung cơ bản là một bộ sách giáo khoa thống nhất trên phạm vi toàn quốc, với mô hình tập trung trong việc xuất bản sách giáo khoa (do các cơ quan Nhà nước thực hiện). Tuy nhiên, với sự thay đổi của Chương trình Giáo dục phổ thông chuyển từ tiếp cận kiến thức, kỹ năng sang tiếp cận theo năng lực, chính sách sách giáo khoa của chúng ta cũng được thay đổi để phù hợp với chương trình mới. Lần đầu tiên một mô hình phi tập trung về xuất bản sách giáo khoa được thực hiện với nhiều kì vọng để khắc phục những hạn chế của mô hình cũ như phá bỏ sự độc quyền trong biên soạn và phát hành sách giáo khoa; thay đổi các quan niệm cũ đánh đồng sách giáo khoa với chương trình, sự lệ thuộc vào sách giáo khoa một cách gần như tuyệt đối, tính cứng nhắc trong hoạt động dạy học, thói quen “học vẹt”... Tuy nhiên, với kinh nghiệm hầu như là chưa có của toàn bộ hệ thống giáo dục thì việc thực thi chính sách này không tránh khỏi những vấn đề phát sinh. Rất nhiều những câu hỏi được đặt ra xung quanh thực tiễn thực hiện chính sách, chẳng hạn như: Tại sao giá thành sách giáo khoa lại tăng lên rất cao? Việc thực thi chính sách này đã thể hiện bản chất xã hội hóa của nó hay chưa? Có hay không những tiêu cực trong quá trình biên soạn và phát hành sách giáo khoa theo mô hình mới, nên hay không có một bộ sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và

Đào tạo biên soạn? Cho đến thời điểm này, chúng ta đã bước vào năm cuối cùng của chu trình thay thế sách giáo khoa mới của hệ thống giáo dục phổ thông cũng là năm thứ sáu mà chính sách đi vào thực tiễn đời sống xã hội (2018 - 2024). Đây là thời điểm thích hợp và cần thiết để đánh giá hiệu quả của chính sách, những ưu điểm mà nó đem lại cũng như những hạn chế và thách thức trong suốt quá trình triển khai. Chính vì vậy, việc đề xuất một mô hình phù hợp là hết sức cần thiết để làm cơ sở xây dựng các công cụ đánh giá một cách khoa học và chính xác hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa

Mô hình phi tập trung đối với việc xuất bản sách giáo khoa là mô hình tương đối phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, rất khó để tìm thấy nghiên cứu nào sử dụng thuật ngữ xã hội hóa đối với hoạt động xuất bản sách giáo khoa trong các chính sách cũng như các nghiên cứu quốc tế. Để hiểu rõ hơn về khái niệm “Chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa”, cần xuất phát từ chủ trương “Xã hội hóa giáo dục” ở Việt Nam trong khoảng hơn 20 năm trở lại đây. Bản chất của chủ trương này tại Việt Nam là sự vận động toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục, biến giáo dục trở thành sự nghiệp của toàn dân; khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục của đất nước. Xét về mặt nội hàm, có thể thấy được một số thuật ngữ có nội dung tương tự trên thế giới, chẳng hạn như các thuật ngữ Tư nhân hóa giáo dục (Privatization of Education), Khuyến khích thành phần tư nhân tham gia vào giáo dục (Private Sector Involvement), Hợp tác công tư trong giáo dục (Public private partnerships in Education)...[3].

Xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa được hiểu là sự huy động tham gia của các thành phần ngoài Nhà nước, thành phần tư nhân và của toàn xã hội vào các công đoạn biên soạn và phát hành sách giáo khoa, được thực hiện thông qua quá trình chuyển đổi cơ chế nhà nước độc quyền trong biên soạn, thẩm định, phát hành sách giáo khoa sang cơ chế mở, khuyến khích và huy động các thành phần khác, bao gồm các thành phần ngoài Nhà nước, giáo viên, phụ huynh, học sinh và toàn xã hội cùng tham gia vào các khâu khác nhau của quy trình xuất bản sách giáo khoa phổ thông. Chính sách này chuyển dịch vị trí độc quyền của Nhà nước trong lĩnh vực sách giáo khoa sang cơ cấu nhiều thành phần cung cấp tham gia vào thị

trường sách giáo khoa, đồng thời là sự chuyển đổi hệ thống một chương trình, một bộ sách giáo khoa đơn nhất sang hệ thống một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa và trao quyền tự do lựa chọn cho học sinh, giáo viên, phụ huynh và cơ sở giáo dục [3].

Tại Việt Nam, chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa tại Việt Nam được quy định chính thức trong Luật Giáo dục 2019 tại khoản b, Điều 32: “Mỗi môn học có một hoặc một số sách giáo khoa; thực hiện xã hội hóa việc biên soạn sách giáo khoa; việc xuất bản sách giáo khoa thực hiện theo quy định của pháp luật” [4]. Trước đó, chính sách này đã được mô tả trong các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

- Có nhiều sách giáo khoa thay vì một bộ sách duy nhất: “Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người” [5]; “Thực hiện xã hội hóa biên soạn sách giáo khoa; có một số sách giáo khoa cho mỗi môn học thay vì chỉ có một sách. Mỗi bộ sách do một nhà xuất bản đảm nhiệm việc biên soạn và phát hành” [6].

- Nhiều nhà xuất bản, nhiều tổ chức, cá nhân khác nhau, bao gồm cả cơ quan nhà nước và ngoài Nhà nước biên soạn bộ sách của riêng đơn vị mình. Các bộ sách được thẩm định, phê duyệt theo cơ chế cạnh tranh công bằng: “Khuyến khích các tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông. Để chủ động triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức việc biên soạn một bộ sách giáo khoa. Bộ sách giáo khoa này được thẩm định, phê duyệt công bằng với các sách giáo khoa do tổ chức, cá nhân biên soạn” [6].

- Ưu tiên việc biên soạn sách giáo khoa cho các cá nhân, tổ chức đủ năng lực, rút dần vai trò của Nhà nước, “Nếu mỗi môn học cụ thể đã hoàn thành ít nhất một bộ sách giáo khoa được thẩm định, phê duyệt thì không triển khai biên soạn sách giáo khoa sử dụng ngân sách nhà nước của môn học đó” [7].

Cùng với sự ban hành của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiều cá nhân, tổ chức, nhà xuất bản đã tham gia biên soạn và phát hành các bộ sách giáo khoa khác nhau. Trong năm học 2020 - 2021, năm học đầu tiên thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, 5 bộ sách giáo khoa lớp 1 (Được thẩm định thông qua một Hội đồng thẩm định Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo hành lập) đã được lưu hành trên phạm vi toàn quốc đánh dấu việc chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa đã chính

thức đi vào thực tiễn. Cho đến nay, nước ta có ba bộ sách giáo khoa chính thức được xuất bản bằng hình thức xã hội hóa, đó là bộ “Chân trời sáng tạo”, bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống” do Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chủ trì và bộ “Cánh diều” của NXB Đại học Sư phạm và Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp chủ trì [8]. Những thành tựu ban đầu của chính sách này, theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Mặc dù vẫn còn một số vấn đề chưa tối ưu với điều kiện của một số địa phương và giá cả sách giáo khoa còn cao nhưng ba bộ sách giáo khoa này đều có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018...”; “...Giáo viên được trao quyền chủ động trong chọn ngữ liệu, chọn bài tập phù hợp, phát huy sự năng động, chủ động, sáng tạo của họ...”; “...Huy động được nguồn lực, trí tuệ xã hội rất lớn cùng tham gia biên soạn sách; đồng thời, tạo môi trường cạnh tranh để học sinh, giáo viên có được những bộ sách giáo khoa tốt nhất. Đã có hơn 1.000 nhà giáo, nhà khoa học tham gia biên soạn sách giáo khoa” [8].

## 2.2. Đánh giá hiệu quả của chính sách

*Hiệu quả - Effectiveness* được định nghĩa trong các nghiên cứu là thực hiện được những mục tiêu/tác động đã đề ra theo kế hoạch dự tính ban đầu [9].

*Hiệu quả của chính sách (Effectiveness of policy)* có nghĩa là thực hiện và hoàn thành được các mục tiêu chính sách. Mục tiêu của chính sách ở đây được hiểu là những mục tiêu mà các can thiệp hướng đến nhằm đạt được và cần đạt được, về nguyên tắc, được xây dựng trong các tài liệu, đề án xây dựng chính sách. Trong một số trường hợp, mục tiêu chính sách có thể giống với các mục tiêu hoạt động được quy định trong ngân sách hoặc các thành phần cụ thể của chúng [9]. Ulrike Mandl, Adriaan Dierx và Fabienne Ilzkovitz (2008) cho rằng, đối với một chính sách/dự án, hiệu quả phản ánh mối quan hệ giữa các yếu tố đầu ra (Outputs) và các kết quả đạt được (Outcomes). Để hiểu được mối quan hệ này, cần phân biệt rõ các yếu tố đầu ra (Outputs) và các kết quả đạt được (Outcomes). Ví dụ, đối với lĩnh vực giáo dục, kết quả đầu ra được biểu thị bằng tỉ lệ biết đọc biết viết, và kết quả có thể là mức độ giáo dục của nhóm cư dân ở các địa bàn khác nhau của một quốc gia. Vì vậy, các tác động nhận được từ việc thực thi chính sách/chương trình (Kết quả đạt được) sẽ chịu ảnh hưởng từ các yếu tố đầu ra (Đầu ra) cũng như từ các yếu tố ngoại cảnh khác. Bởi thế, hiệu quả phản ánh sự thành công với những nguồn lực được sử dụng để

đạt được mục tiêu đề ra, phản ánh kết quả với mục tiêu. Tuy nhiên, khi đưa ra kết luận về hiệu quả của chính sách, các tác giả vẫn cho rằng, đó là một tỉ lệ so sánh giữa kết quả đạt được trong thực tế với những mục tiêu chính sách đã đặt ra [10].

*Đánh giá hiệu quả của chính sách:* Đánh giá hiệu quả của chính sách là một phần trong hoạt động đánh giá chính sách cùng với việc đánh giá kết quả và tác động của chính sách đó. Hiệu quả của một chính sách thường được đánh giá bằng mức độ mà kết quả trực tiếp của các can thiệp đóng góp vào việc đạt được các mục tiêu chính sách một cách bền vững. Một sự can thiệp được coi là hiệu quả nếu kết quả đầu ra của nó có thể được chứng minh là đóng góp vào việc đạt được các mục tiêu dự kiến của can thiệp [9]. Nói cách khác, hiệu quả của chính sách được đánh giá bằng chỉ số được tính bởi tỉ lệ giữa kết quả thực tế đạt được và mục tiêu đã đề ra từ đầu [10]. Xác định hiệu quả của một chính sách có vai trò vô cùng quan trọng và là bước đầu tiên cần thực hiện để rà soát, điều chỉnh và tiếp tục nâng cao hiệu quả chính sách [9]. Để đánh giá một chính sách, hai nhóm phương pháp phổ biến bao gồm đánh giá trước và đánh giá sau chính sách [11], [12], [13]. Đánh giá trước chính sách (Ex-ante) là nhóm phương pháp được sử dụng để đánh giá tính khả thi, các tác động tiềm năng của thường bao gồm các phương pháp đánh giá tài chính (Phân tích tài chính - Financial analysis, phân tích tác động ngân sách - Budget impact analysis) và phương pháp đánh giá kinh tế (Phân tích chi phí - lợi ích - Cost-benefit analysis, phân tích chi phí-hiệu quả - Cost-effectiveness analysis, phân tích đa tiêu chuẩn - Multi-criteria analysis), trong đó phân tích chi phí lợi ích được sử dụng khá phổ biến [13], [14], [15]. Nhóm phương pháp đánh giá sau dự án/chương trình/chính sách (Ex-post), bao gồm các phương pháp thực nghiệm (Randomized controlled experiment), các phương pháp bán thực nghiệm (Quasi-experiment) và phương pháp so sánh với chuẩn (Benchmarking analysis) [10], [13].

Việc đánh giá hiệu quả chính sách dựa trên các mục tiêu thực chất là một dạng so sánh theo chuẩn và tương đối phổ biến trong các nghiên cứu đánh giá hiệu quả của các chính sách giáo dục. Belfield, Clive R.; Levin, Henry (2002) đã xây dựng một khung các tiêu chí để đánh giá các chính sách tư nhân hóa trong giáo dục, mỗi tiêu chí được phân tích và diễn giải cụ thể. Mô hình này bao gồm 4 khía cạnh chính: Sự tự do chọn lựa; Hiệu suất hoạt động; Công bằng; Sự gắn kết xã hội [16]. Tương tự, Wolfgang Blaas (2007)

đề xuất cách thức đánh giá các chương trình/chính sách tư nhân hóa trong giáo dục bằng việc phát triển một mô hình bao gồm nhiều tiêu chuẩn đánh giá và kiểm chứng hiệu quả của các chính sách dựa trên tiêu chí đánh giá đó theo hướng tích cực hay tiêu cực. Zulfiqar Ali, Sidra Irfan, Yaamina Salman (2020) đã tổng quan các nghiên cứu về đánh giá hiệu quả của chính sách hợp tác công tư (PPP) trên nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục. Các tác giả đã dựa trên 14 tiếp cận lí thuyết làm cơ sở khoa học để đề xuất mô hình gồm 06 lĩnh vực đánh giá tính hiệu quả của chính sách hợp tác công tư hiện nay [14].

### 2.3. Mô hình đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa ở Việt Nam

Phương pháp đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa được lựa chọn là phương pháp đánh giá dựa trên việc so sánh với chuẩn - các mục tiêu của chính sách. Để đánh giá hiệu quả chính sách này, cần xác định mức độ hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, nghĩa là có sự so sánh các kết quả thực hiện được với hệ thống mục tiêu chính sách. Tuy nhiên, trong thực tế hoàn toàn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật chính thức nào trình bày rõ ràng các mục tiêu của chính sách này. Chính vì vậy, để xây dựng mô hình đánh giá hiệu quả của chính sách cần phải xác định hệ thống các mục tiêu của chính sách. Việc xác định hệ thống mục tiêu của chính sách được tiến hành theo 2 giai đoạn: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

*Ở giai đoạn thứ nhất - Nghiên cứu định tính:* Nhóm nghiên cứu tổng quan lí thuyết và xây dựng phiếu phỏng vấn đối với các chuyên gia. Dựa trên khung hiệu quả chính sách hợp tác công tư của Zulfiqar Ali và cộng sự (2020), phiếu phỏng vấn bán cấu trúc được thiết kế xoay quanh 06 nhóm mục tiêu chính bao gồm: Quản lí và thể chế; kinh tế, tài chính và kĩ thuật; xã hội và quan hệ; luật pháp và quy định; đặc thù của khu vực; lãnh đạo [14]. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành đối với 05 chuyên gia về chương trình, sách giáo khoa để thảo luận về những mục tiêu mà chính sách cần/nên đạt được. Sau khi tiến hành mã hóa và phân tích dữ liệu, 29 chỉ báo về mục tiêu của chính sách được đề xuất bao gồm:

1. Đảm bảo lợi ích của tất cả các đối tượng liên quan đến chính sách, hoạt động xuất bản sách giáo khoa.
2. Đảm bảo yếu tố bản sắc văn hóa địa phương, vùng miền trong xuất bản sách giáo khoa.

3. Đáp ứng được các nhu cầu đa dạng về tài liệu dạy và học của giáo viên, học sinh.

4. Gia tăng chất lượng của hàng hóa (Sách giáo khoa) cả về nội dung và hình thức.

5. Gia tăng quyền lợi cho người tiêu dùng (Học sinh, giáo viên, gia đình, các nhà trường).

6. Giải quyết tình trạng “độc quyền”, tập trung hóa việc xuất bản sách giáo khoa trước đây.

7. Giảm áp lực chi phí cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa đối với ngân sách nhà nước.

8. Giúp giảm tình trạng “học vẹt” để đáp ứng các bài kiểm tra/kì thi.

9. Góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục.

10. Góp phần thực hiện xã hội học tập, học tập suốt đời.

11. Lựa chọn được các nhà xuất bản đủ năng lực thực hiện hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

12. Nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

13. Nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của người học.

14. Nâng cao trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

15. Tăng cường được sự tham gia của các lực lượng trong xã hội vào hoạt động giáo dục.

16. Tăng cường khả năng tiếp cận với sách giáo khoa cho những nhóm học yếu thế.

17. Tăng cường sự tự chủ của giáo viên trong hoạt động dạy học.

18. Tăng nguồn “cung” về sách giáo khoa (đa dạng về chủng loại, quy mô cung ứng lớn...).

19. Tăng sự hài lòng của xã hội đối với hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

20. Tạo cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà xuất bản để chiếm được niềm tin của người tiêu dùng và thị phần.

21. Tạo ra hệ thống pháp lý đầy đủ, cụ thể và phù hợp cho việc thực hiện hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

22. Tạo ra sự đồng thuận của các bên liên quan, trong toàn xã hội đối với hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

23. Tạo ra sự minh bạch trong hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

24. Tạo ra thị trường sách giáo khoa tự do hơn và

có độ mở lớn, phù hợp với quy luật của kinh tế thị trường.

25. Tạo thuận lợi cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa bằng quy trình quản lý rõ ràng, đơn giản và hiệu quả.

26. Thay đổi thói quen học tập chỉ dựa vào sách giáo khoa của học sinh.

27. Thúc đẩy sự phát triển của giáo dục Việt Nam theo hướng hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

28. Thúc đẩy tính sáng tạo của giáo viên trong hoạt động dạy học

29. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia trong hoạt động xuất bản sách giáo khoa.

*Ở giai đoạn nghiên cứu thứ hai - Nghiên cứu định lượng:* Nhóm tác giả tiến hành khảo sát thử nghiệm hệ thống mục tiêu để xác định mô hình đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa. Giai đoạn này được tiến hành trên địa bàn 04 tỉnh, thành phố (Tuyên Quang, Hà Nội, Quảng Nam và Đồng Nai) với một mẫu nhiều bậc bao gồm 431 khách thể cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh học sinh ở cả ba cấp học. Các đối tượng khảo sát tiến hành trả lời phiếu hỏi trực tuyến (Google Form) với các nội dung là đánh giá của họ về hiệu quả của chính sách dựa trên 29 tiêu chí đã được xác định. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để xử lý dữ liệu nhằm chuẩn hóa thang đo và xác định mô hình các lĩnh vực đánh giá hiệu quả của chính sách. Số lượng mẫu này thỏa mãn điều kiện của phân tích nhân tố khám phá theo công thức xác định mẫu của Hair và cộng sự (2010) với  $N = 5 \times m$ , trong đó  $N$  là tổng mẫu;  $m$  là số lượng biến đo lường tham gia EFA (29) [18]. Thang đánh giá được thiết kế dưới dạng Likert 5 mức độ (1 = Hoàn toàn không đồng ý,..., 5 = Hoàn toàn đồng ý). Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Phân tích nhân tố khám phá EFA được thực hiện với kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy); phép trích (Extraction) Phân tích thành phần chính - PCA (Principal Components Analysis) và phép quay (Rotation) Varimax. Việc không phân nhóm và không thực hiện kiểm định Cronbach's Alpha ban đầu giúp tránh loại đi những biến có ý nghĩa có thể giải thích tốt cho các nhóm nhân tố khác nhau trong mô hình EFA, đặc biệt là trong những mô hình đo lường kết quả (Reflective) [20].

**Bảng 1:** Kiểm định KMO - Bartlett's

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.922
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	6002.433
	df	431
	Sig.	.000

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, chỉ số KMO là 0.922 > 0.5 (cũng nhỏ hơn 1). Điều này chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp [13]. Đồng thời, kết quả kiểm định Bartlett's là 6002.433 (Sig. = 0.000 < 0.05) cho thấy sự thỏa mãn của điều kiện thực hiện phép phân tích nhân tố khám phá EFA [19].

Phép trích được sử dụng trong nghiên cứu này là (Phân tích thành phần chính). Về cơ bản phép trích PCA được sử dụng nhằm mục đích tóm tắt thông tin các biến quan sát được đưa vào phân tích nhân tố và giúp làm giảm số lượng nhiều quan sát thành một số lượng ít hơn các nhân tố chính [21]. Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, 29 biến quan sát ban đầu được phân thành 4 nhóm. Giá trị tổng phương sai trích = 77.086 cho thấy, 04 nhóm nhân tố trong mô hình này giải thích được 77.086 % sự biến thiên của dữ liệu chứng tỏ độ phù hợp cao của mô hình nghiên cứu. Giá trị hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều cao (>1), nhân tố thứ 4 có Eigenvalues thấp nhất là 2.556 (xem Bảng 2).

Ma trận nhân tố với phương pháp xoay Varimax trong Bảng 3 cho thấy các biến đều có hệ số tải (factor loading) lớn hơn ngưỡng giá trị tải được lựa chọn là

**Bảng 2:** Tổng phương sai trích

Nhân tố	Giá trị riêng ban đầu			Tổng bình phương hệ số tải khi trích			Tổng bình phương hệ số tải khi xoay		
	Tổng	Phân trăm phương sai	Phân trăm tích lũy	Tổng	Phân trăm phương sai	Phân trăm tích lũy	Tổng	Phân trăm phương sai	Phân trăm tích lũy
1	13.394	46.186	46.186	13.394	46.186	46.186	6.735	23.224	23.224
2	3.696	12.745	58.931	3.696	12.745	58.931	6.241	21.521	44.745
3	2.709	9.341	68.272	2.709	9.341	68.272	4.737	16.334	61.079
4	2.556	8.814	77.086	2.556	8.814	77.086	4.642	16.007	77.086
5	.903	3.114	80.200						
6	.805	2.776	82.976						
7	.735	2.534	85.510						
8	.652	2.248	87.759						
9	.643	2.217	89.976						
10	.589	2.031	92.007						
11	.557	1.921	93.928						
12	.545	1.879	95.807						
13	.414	1.428	97.234						
14	.403	1.390	98.624						
15	.095	.328	98.952						
16	.061	.210	99.162						
17	.040	.138	99.300						
18	.030	.103	99.403						
19	.024	.083	99.486						

Nhân tố	Giá trị riêng ban đầu			Tổng bình phương hệ số tải khi trích			Tổng bình phương hệ số tải khi xoay		
	Tổng	Phần trăm phương sai	Phần trăm tích lũy	Tổng	Phần trăm phương sai	Phần trăm tích lũy	Tổng	Phần trăm phương sai	Phần trăm tích lũy
20	.022	.076	99.562						
21	.020	.069	99.631						
22	.019	.066	99.697						
23	.017	.059	99.755						
24	.015	.052	99.807						
25	.013	.045	99.852						
26	.013	.045	99.897						
27	.011	.038	99.934						
28	.010	.034	99.969						
29	.009	.031	100.000						

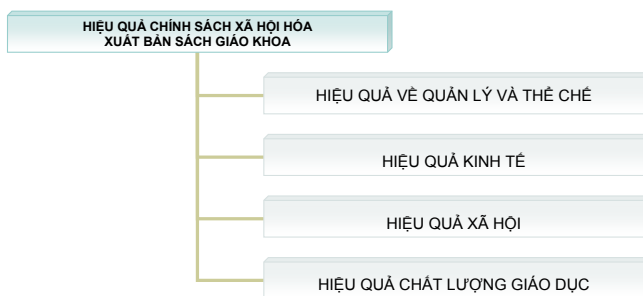
(Extraction Method: Principal Component Analysis)

**Bảng 3:** Ma trận xoay nhân tố

	Nhân tố			
	1	2	3	4
Giải quyết tình trạng “độc quyền”, tập trung hóa việc xuất bản sách giáo khoa trước đây.			.752	
Nâng cao trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong hoạt động xuất bản sách giáo khoa.			.795	
Tạo ra sự minh bạch trong hoạt động xuất bản sách giáo khoa.			.755	
Tạo ra hệ thống pháp lý đầy đủ, cụ thể và phù hợp cho việc thực hiện hoạt động xuất bản sách giáo khoa			.747	
Tạo thuận lợi cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa bằng quy trình quản lý rõ ràng, đơn giản và hiệu quả.			.768	
Xác định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia trong hoạt động xuất bản sách giáo khoa.			.773	
Lựa chọn được các nhà xuất bản đủ năng lực thực hiện hoạt động xuất bản sách giáo khoa.			.724	
Tăng nguồn “cung” về sách giáo khoa (đa dạng về chủng loại, quy mô cung ứng lớn...)	.791			
Tạo ra thị trường sách giáo khoa tự do hơn và có độ mở lớn phù hợp với quy luật của kinh tế thị trường.	.825			
Tạo cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà xuất bản để chiếm được niềm tin của người tiêu dùng và thị phần.	.724			
Giảm áp lực chi phí cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa đối với ngân sách nhà nước.	.790			
Gia tăng chất lượng của hàng hóa (sách giáo khoa) cả về hình thức và nội dung.	.798			
Gia tăng quyền lợi cho người tiêu dùng (học sinh, giáo viên, gia đình, các nhà trường).	.858			

	Nhân tố			
	1	2	3	4
Đảm bảo lợi ích của tất cả các đối tượng liên quan đến chính sách, hoạt động xuất bản sách giáo khoa.	.775			
Góp phần thực hiện xã hội học tập, học tập suốt đời.	.674			
Tăng cường được sự tham gia của các lực lượng trong xã hội vào hoạt động giáo dục.	.675			
Nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của người học.	.753			
Tăng cường khả năng tiếp cận với sách giáo khoa cho những nhóm học yếu thế.	.717			
Tăng sự hài lòng của xã hội đối với hoạt động xuất bản sách giáo khoa.	.794			
Đảm bảo yếu tố bản sắc văn hóa địa phương, vùng miền trong xuất bản sách giáo khoa.	.727			
Tạo ra sự đồng thuận của các bên liên quan, trong toàn xã hội đối với hoạt động xuất bản sách giáo khoa.	.681			
Thúc đẩy sự phát triển của giáo dục Việt Nam theo hướng hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.	.693			
Góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục.	.654			
Thúc đẩy tính sáng tạo của giáo viên trong hoạt động dạy học.	.823			
Tăng cường sự tự chủ của giáo viên trong hoạt động dạy học.	.840			
Nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.	.701			
Giúp giảm tình trạng “học vẹt” để đáp ứng các bài kiểm tra/kì thi.	.655			
Thay đổi thói quen học tập chỉ dựa vào sách giáo khoa của học sinh.	.669			
Đáp ứng được các nhu cầu đa dạng về tài liệu dạy và học của giáo viên, học sinh.	.715			

(Extraction Method: Principal Component Analysis.  
Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.a)



**Sơ đồ 1:** Mô hình hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa

0.5, không có biến nào tải lên đồng thời ở hai nhân tố cho thấy sự đảm bảo giá trị phân biệt và hội tụ của các biến thuộc mô hình nghiên cứu.

Trên cơ sở kết quả phân tích EFA, nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa tại Việt Nam hiện nay bao gồm 04 nhóm hiệu quả về: 1/ Quản lý và thể chế; 2/ Kinh tế; 3/ Xã hội; 4/ Chất lượng giáo

dục với hệ thống 29 mục tiêu được đề xuất và phân nhóm trong Bảng 3. Sơ đồ 1 khái quát về mô hình nghiên cứu.

### 3. Kết luận

Chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa là một trong những chính sách được kì vọng sẽ đáp ứng được nhu cầu phát triển của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, những mục tiêu của chính sách không được cụ thể hóa một cách rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời trong quá trình thực hiện xuất hiện nhiều những tình huống mà toàn bộ hệ thống của chúng ta, một hệ thống còn rất thiếu kinh nghiệm đối với chính sách này chưa lường hết được. Nghiên cứu bước đầu cung cấp một công cụ để đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa tại Việt Nam. Mô hình này sẽ giúp cho việc tiến hành đánh giá hiệu quả của chính sách được triển khai một cách khoa



học, chính xác để đem lại những kết quả đáng tin cậy giúp cho những nhà hoạch định có được các thông tin cần thiết để điều chỉnh, sửa đổi và cải thiện chính sách trong thời gian tới; mặt khác cũng giúp cho toàn xã hội có những cái nhìn khách quan và chân thực hơn về hiệu quả của chính sách trong thời gian vừa qua. Đồng thời, kết quả nghiên cứu này không chỉ cung cấp cơ sở khoa học để đánh giá hiệu quả của chính sách cụ thể mà còn đóng góp vào việc hoàn thiện hệ thống đánh giá chính sách của Việt Nam. Mặc dù chỉ là một mô hình tương đối đơn giản với một mẫu nghiên cứu không lớn, tuy nhiên việc áp

dụng các phương pháp nghiên cứu bao gồm cả định tính và định lượng đã đảm bảo tính khách quan và tin cậy cho kết quả nghiên cứu. Đây cũng là những gợi mở cho các nghiên cứu trong tương lai tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện hơn về các chủ đề liên quan.

**Lời cảm ơn:** Bài viết này là sản phẩm nghiên cứu của Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ năm 2023 “Đánh giá hiệu quả của chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa phổ thông tại Việt Nam” - Mã số: B2023-VKG-31. Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Thanh Tâm.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Yuriy Safonov, Ievgen Bazhenkov, Svitlana Zaiets, (2023), *Publishing school textbooks: International policy and practical scenarios*, Baltic Journal of Economic Studies, Vol 9, No 2.
- [2] Smart, A., & Jagannathan, S, (2018), *Textbook policies in Asia: Development, publishing, printing, distribution, and future implications*, Publisher: Manila: Asian Development Bank, 98 p.
- [3] Nguyễn, T. T., Lê, A. V., Đặng, T. M. H., Nguyễn, B. D., & Nguyễn, A. Đức, (2023), *Làm rõ nội hàm “Chính sách xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa” tại Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Tạp chí Giáo dục, 23(22), tr.35–40.
- [4] Quốc hội, (2019), *Luật số 43/2019/QH14 Luật Giáo dục*.
- [5] Ban Chấp hành Trung ương Đảng, (2013), *Nghị quyết số 29 - NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [6] Quốc hội, (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về Đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa Giáo dục phổ thông*.
- [7] Quốc hội, (2017), *Nghị quyết số 51/2017/QH14 về Điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về Đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa Giáo dục phổ thông*.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Truyền thông và sự kiện (2023). *Xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa: Một thành tựu của đổi mới giáo dục*. Truy cập tại: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=9018>
- [9] Des Gasper, (2006), *Policy Evaluation from managerialism and econocracy to a governance perspective*, Chapter 37, pp. 655-70, in *Handbook of International Development Governance*, eds. A.S. Huque & H. Zafirullah, New York: Taylor & Francis.
- [10] Ulrike Mandl, Adriaan Dierx, Fabienne Ilzkovitz, (2008), *The effectiveness and efficiency of public spending*, European Economy - Economic Papers, Directorate General Economic and Financial Affairs (DG ECFIN), European Commission.
- [11] Fitzpatrick, J. L., J. R. Sanders, and B. R. Worthen. (2011). *Program Evaluation: Alternative approaches and practical guidelines*, 4th ed. Boston: Pearson.
- [12] Laura Langbein L, Claire L. Felbinger (2006), *Public Program Evaluation: A Statistical Guide*, NY: M. E. Sharp.
- [13] Josselin J.M & Le Maux B (2018), *Statistical Tools for Program Evaluation: Methods and Applications to Economic Policy, Public Health, and Education*, Springer.
- [14] Kenneth J Linfield, Emil J Posavac (2019), *Program Evaluation: Methods and Case Studies*, 9th edition, Routledge.
- [15] Venetoklis. Takis (2002), *Public Policy Evaluation: Introduction to Quantitative Methodologies*, Research Reports 90, VATT Institute for Economic Research.
- [16] Belfield, C. R., & Levin, H. M. (2002), *The Effects of Competition Between Schools on Educational Outcomes: A Review for the United States*, Review of Educational Research, 72(2), 279-341. <https://doi.org/10.3102/00346543072002279>
- [17] Zulfiqar Ali, Sidra Irfan, Yaamina Salman, (2020), *Effectiveness of Public - Private Partnerships: A Systematic Literature Review*, Journal of Management and Research, Vol 7, No 2.
- [18] Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E, (2009), *Multivariate data analysis (7th ed.)*, Upper Saddle River, NJ: Pearson Prentice Hall.
- [19] Marley W. Watkins, (2018), *Exploratory Factor Analysis: A Guide to Best Practice*, Journal of Black Psychology 2018, Vol. 44(3), p.219–246.
- [20] Garson, G. D., (2013), *Factor analysis*, Asheboro, NC: Statistical Associates.
- [21] Fabrigar, L. R., Wegener, D. T., MacCallum, R. C., & Strahan, E. J, (1999), *Evaluating the use of exploratory factor analysis in psychological research*, Psychological Methods, 4, p.272-299, doi:10.1037/1082-989X.4.3.272.